

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày 09 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Hoa;
- Ông Trần Văn Chiu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Bách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2023/TLST – DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Buôn J, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trong thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 5/2022 bà Nguyễn Thị H có cho bà Lê Thị Ngọc L vay tiền 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 28/11/2021 bà Nguyễn Thị H cho bà Lê Thị Ngọc L vay (sau đây viết tắt là vay) 50.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng. Nay bà H yêu cầu bà L trả 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 28/11/2021 đến ngày 30/10/2023 là 9.603.000 đồng.

Lần 2: Ngày 10/3/2022 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng. Nay bà H yêu cầu bà L trả 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 10/3/2022 đến ngày 30/10/2023 là 29.950.000 đồng.

Lần 3: Ngày 13/5/2022 vay 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Nay bà H yêu cầu bà L trả 30.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 13/5/2022 đến ngày 30/10/2023 là 4.397.000 đồng.

Tất cả những lần vay tiền trên hai bên đều thỏa thuận khi nào bà H đòi thì bà L phải trả tiền cho bà H, khi vay bà H đều viết “Giấy vay tiền”, bà L ký và ghi họ tên vào bên người vay trong các giấy vay tiền.

Tổng số tiền bà H yêu cầu bà L trả cho bà H là: 223.9500.000 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi là 43.950.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc L: Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho bà L, nhưng bà L không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không lấy lời khai của bà L được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Lê Thị Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Thị H 180.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi của khoản vay ngày 28/11/2022, vay số tiền 50.000.000 đồng và khoản vay ngày 10 tháng 3 năm 2022, vay số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi của khoản vay ngày 13/5/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất vay. Quá trình giải quyết vụ án bà L không có mặt tại Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, nên không ghi nhận được ý kiến trình bày của bà L. Do đó không có căn cứ để buộc bà L trả tiền lãi cho bà H đối với khoản vay này.

Về án phí: Buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Ngọc L phải trả cho bà H số tiền 223.950.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L trú tại xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho bà Lê Thị Ngọc L, nhưng bà L không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không lấy lời khai của bà L và không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Lê Thị Ngọc L trả cho bà H số tiền 223.500.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 30/10/2023 là 43.950.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình bà H cung cấp cho Tòa án 03 giấy vay tiền đề ngày 28/11/2021; ngày 10/3/2022 và ngày 13/5/2022.

Tại Kết luận giám định số 419/KL-KTHS ngày 20/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị Ngọc L dưới mục “Người vay ký nhận” trong giấy vay tiền đề ngày 28/11/2021; Dưới mục “Người vay tiền ký nhận” trong giấy vay tiền đề ngày 10/3/2022 và dưới mục “Brông Krang Người vay ký” trong giấy vay tiền đề ngày 13/5/2022, so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị Ngọc L trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Do đó có đủ cơ sở để chứng minh bà Lê Thị Ngọc L có vay tiền của bà Nguyễn Thị H, cụ thể: Ngày 28/11/2021 vay 50.000.000 đồng; Ngày 10/3/2022 vay 100.000.000 đồng và ngày 13/5/2022 vay 30.000.000 đồng. Đến nay bà L chưa trả được cho bà H khoản tiền nào. Khi vay hai bên thỏa thuận khi nào bà H đòi thì bà L phải trả tiền, nhưng khi bà H đòi tiền bà L không trả tiền cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp, kết luận giám định của Công an tỉnh Đắk Lắk và lời trình bày của bà H có đủ căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở.

Hợp đồng vay tiền giữa bà H và bà L phù hợp với quy định của pháp luật, có đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, việc bà L không trả nợ cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử công nhận các hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị H và bà Lê Thị Ngọc L, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà L phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi của bà Nguyễn Thị H:

Đối với khoản vay ngày 28/11/2021, bà H yêu cầu bà L trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay tiền, ngày 28/11/2021 đến ngày 30/10/2023 là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 701 \text{ ngày} = 9.603.000 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay ngày 10/3/2022, bà H yêu cầu bà L trả tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày vay tiền, ngày 10/3/2022 đến ngày 30/10/2023 là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 599 \text{ ngày} = 29.950.000 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay ngày 13/5/2022, bà H yêu cầu bà L trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay tiền, ngày 13/5/2022 đến ngày 30/10/2023 là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 535 \text{ ngày} = 4.397.000 \text{ đồng}$.

Mặc dù trong giấy vay tiền ngày 13/5/2022 không ghi lãi suất cho vay, nhưng bà H trình bày lãi suất đối với khoản vay này do hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 10%/năm. Căn cứ khoản 1 Điều 119 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H yêu cầu bà L trả tiền lãi đối với khoản vay ngày 13/5/2022.

Xét thấy, mức lãi suất mà bà H và bà L thỏa thuận khi vay tiền phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận về yêu cầu trả tiền lãi của bà L đối với các khoản tiền bà L vay.

[6] Án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: $223.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.175.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

- Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có căn cứ nên bị đơn bà Lê Thị Ngọc L phải chịu 5.600.000 đồng tiền chi phí giám định, sau khi thu được của bà L khoản tiền này thì hoàn trả cho bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 2 Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Công nhận hiệu lực của các hợp đồng vay tài sản được ký kết ngày 28/11/2021, ngày 10/3/2022 và ngày 13/5/2022 giữa bà Nguyễn Thị H và bà Lê Thị Ngọc L.

Buộc bà Lê Thị Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 223.950.000 đồng (*Hai trăm hai mươi ba triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trong đó tiền nợ gốc là: 180.000.000 đồng, tiền lãi là 43.950.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 11.197.500 đồng (*Mười một triệu một trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Về chi phí giám định: Bà Lê Thị Ngọc L phải chịu 5.600.000 đồng tiền chi phí giám định, sau khi thu được khoản tiền này của bà Lê Thị Ngọc L hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H tiền tạm ứng chi giám định đã nộp theo phiếu thu số 48, ngày 19/12/2023 và phiếu thu số 34, ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắc và Phiếu thanh toán tiền chi phí giám định ngày 20/3/2024 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắc;
- Chi cục THADS huyện Lắc;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Dũng

Lê Đình Nhi

Nguyễn Văn Ngọc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Vp.

Nguyễn Văn Ngọc

